

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2006/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số phí, lệ phí
và bãi bỏ quy định phụ thu sản phẩm Titan

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHOÁ XV - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Điều 120, Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001);

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH, ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định 24/2006/NĐ-CP, ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT – BTC, ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC, ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC, ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Sau khi xem xét Tờ trình số 266/TTr-UBND, ngày 29/11/2006 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh và bãi bỏ quy định phụ thu sản phẩm Titan; báo cáo thẩm tra của các ban HĐND và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số phí, lệ phí và bãi bỏ quy định phụ thu sản phẩm Titan với nội dung cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số phí, lệ phí trên địa bàn Hà Tĩnh và bãi bỏ quy định phụ thu Ti tan:

a. Phí đấu giá tài sản.

- Bổ sung mức thu phí đấu giá đối với người có tài sản bán đấu giá:

Trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được như sau:

STT	Giá trị tài sản bán được	Mức thu
1	Từ 1.000.000 đồng trở xuống	50.000 đồng
2	Từ trên 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	5% giá trị tài sản bán được
3	Từ trên 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	5.000.000 đồng + 1,5% của phần giá trị tài sản bán vượt quá 100 triệu đồng
4	Trên 1.000.000.000 đồng	18,5 triệu đồng + 0,2% của phần giá trị tài sản bán vượt quá một tỷ đồng

Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho đơn vị bán đấu giá các chi phí theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

- Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá.

Sửa đổi mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá như sau:

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu(đ)
1	Từ 20.000.000 đồng trở xuống	20.000
2	Từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	50.000
3	Từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	100.000
4	Từ trên 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
5	Trên 500.000.000 đồng	500.000

Trường hợp cuộc đấu giá tài sản không được tổ chức thì người tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ số tiền phí đấu giá tài sản mà người tham gia đấu giá tài sản đã nộp.

- Bổ sung phí bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định tại Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của quyền sử dụng đất hoặc diện tích đất bán đấu giá, như sau:

+ Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 của Quy chế Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg, ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ:

STT	Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200.000.000 đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
3	Trên 500.000.000 đồng	500.000

+ Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất không phải để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, các nhân, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 của Quy chế Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ -TTg, ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ:

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

b. Phí thư viện: Bổ sung phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, mức thu phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu: 70.000 đồng/thẻ/năm.

c. Phí bến xe: Điều chỉnh phí đậu bến lấy khách như sau:

Phí đậu bến lấy khách: 1.000 đồng/ghế/chuyến.

d. Phí dự thi dự tuyển: Sửa đổi về đối tượng và mức thu như sau:

TT	Tên các loại phí	Mức thu
1	Thi vào lớp 10: - Thi 2 môn - Thi 4 môn	25.000 đ/học sinh/lần dự thi 40.000 đ/học sinh/lần dự thi
2	Thi tốt nghiệp: - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông (Thu học sinh tự do)	Bãi bỏ (Vì không thi) 50.000 đ/học sinh
3	Thi tuyển sinh THCN và Cao đẳng: - Đăng ký dự thi - Dự thi văn hoá	40.000 đ/thí sinh/hồ sơ 20.000 đ/thí sinh/lần dự thi
4	Dự thi năng khiếu	50.000 đ/thí sinh/lần dự thi

đ. Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:

Bổ sung mức thu phí cấp phép sử dụng vật liệu nổ:

- Mức thu đối với cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu: 1.500.000 đồng/hồ sơ;

- Mức thu đối với gia hạn giấy phép: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

e. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng:

Bổ sung lệ phí cấp giấy phép xây dựng như sau:

- Đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng): Mức thu 50.000 đồng/giấy phép;

- Đối với các công trình khác (xây dựng, giao thông, thuỷ lợi, công nghiệp..): Mức thu 100.000 đồng/giấy phép.

